

TRƯỜNG THCS KHIẾU NĂNG TỈNH	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023 MÔN LÍ 9 <i>Thời gian làm bài 45 phút</i>
-----------------------------	---

I. BẢNG MÔ TẢ.

Tên chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
					TNKQ	TL	TN KQ	TL	
1. Điện trở của dây dẫn. Định luật Ôm 11 tiết	1. Nêu được điện trở của mỗi dây dẫn đặc trưng cho mức độ cản trở dòng điện của dây dẫn đó. 2. Nêu được mối quan hệ giữa điện trở của dây dẫn với độ dài, tiết diện và vật liệu làm dây dẫn.		3. Phát biểu được định luật Ôm đối với đoạn mạch có điện trở. 4. Giải thích được nguyên tắc hoạt động của biến trở con chạy.		5 Vận dụng được định luật Ôm để giải một số bài tập đơn giản.6. 6. Vận dụng được định luật Ôm cho đoạn mạch nối tiếp gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần. 7. Vận dụng định luật Ôm cho đoạn mạch song song gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần. 8. Vận dụng được định luật Ôm cho đoạn mạch gồm nhiều nhất ba điện trở thành phần mắc hỗn hợp. 9. Vận dụng được công thức $R = \rho \frac{l}{S}$ và giải thích được các hiện tượng đơn giản liên quan tới điện trở của dây dẫn.				
Số câu hỏi	1 C1.1	1 C2.4	1 C3.2	1 C4.3		1.5 C5,6,7,8 -7 C9-8			5.5
Số điểm	0,5	0.5	0,5	0.5		3.5			5.5
2. Công và công suất điện 9 tiết	10. Viết được công thức tính công suất và điện năng tiêu thụ của một đoạn mạch.		11. Nêu được ý nghĩa của số vôn, số oát ghi trên dụng cụ điện.		12. Vận dụng được công thức $P = U.I$ đối với đoạn mạch tiêu thụ điện năng. 13. Vận dụng được công thức $A = P .t = U.I.t$ đối với đoạn mạch tiêu thụ điện năng. 14. Chỉ ra được sự chuyển hoá các dạng năng lượng khi đèn điện hoạt động 15 Vận dụng được định luật Jun - Len xơ để giải thích các hiện tượng đơn giản có liên quan.				

Số câu hỏi	1 C10-6		1 C11-5			1.5 C15-8;C12,13,14-9		3.5
Số điểm	0,5		0.5			3.5		4.5
TS câu hỏi	3		3			3		9
TS điểm	1,5		1,5			7,0		10,0

II. ĐỀ BÀI.

TRƯỜNG THCS KHIẾU NĂNG TỈNH	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 – 2023 MÔN LÍ 9 <i>Thời gian làm bài 45 phút</i>
-----------------------------	---

A. TRẮC NGHIỆM: Khoanh tròn vào đáp án đúng ở các câu sau :

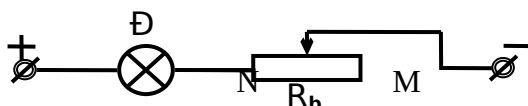
Câu 1: Điện trở của vật dẫn là đại lượng

- A. đặc trưng cho mức độ cản trở hiệu điện thế của vật.
- B. tỷ lệ với hiệu điện thế đặt vào hai đầu vật và tỷ lệ nghịch với cường độ dòng điện chạy qua vật.
- C. đặc trưng cho tính cản trở dòng điện của vật.
- D. tỷ lệ với cường độ dòng điện chạy qua vật và tỷ lệ nghịch với hiệu điện thế đặt vào hai đầu vật

Câu 2: Trong các biểu thức dưới đây, biểu thức của định luật Ôm là

- A. $U = I^2 \cdot R$
- B. $R = \frac{U}{I}$
- C. $I = \frac{U}{R}$
- D. $U = \frac{I}{R}$

Câu 3: Cho mạch điện như hình vẽ sau:



Khi dịch chuyển con chạy C về phía N thì độ sáng của đèn thay đổi như thế nào?

- A. Sáng mạnh lên
- B. Sáng yếu đi
- C. Không thay đổi
- C. Có lúc sáng mạnh, có lúc sáng yếu

Câu 4: Sự phụ thuộc của điện trở vào nhiệt độ:

- A. tăng lên gấp đôi khi chiều dài tăng gấp đôi và tiết diện giảm một nửa.
- B. giảm một nửa khi chiều dài tăng gấp đôi và tiết diện giảm một nửa.
- C. giảm một nửa khi chiều dài tăng gấp đôi và tiết diện tăng gấp đôi.
- D. tăng lên gấp đôi khi chiều dài tăng gấp đôi và tiết diện giảm một nửa.

Câu 5: Số vôn và số oát ghi trên các thiết bị tiêu thụ điện năng cho ta biết:

A. Hiệu điện thế đặt vào hai đầu bóng đèn càng lớn thì công suất tiêu thụ của nó khi hoạt động càng lớn.

B. Hiệu điện thế đặt vào hai đầu bóng đèn càng lớn thì công suất tiêu thụ của nó càng nhỏ.

C. Hiệu điện thế đặt vào hai đầu bóng đèn càng lớn thì công suất tiêu thụ của nó càng nhỏ.

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 6: Công thức tính công suất điện của một đoạn mạch là:

A. $U^2 \cdot I$

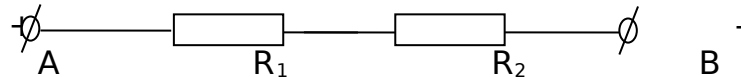
B. $I \cdot R$

C. $\frac{U}{R}$

D. $U \cdot I$

B. TỰ LUẬN:

Câu 7 (3@): Cho mạch điện như hình vẽ.



Biết $R_1 = 4\Omega$; $R_2 = 6\Omega$; $U_{AB} = 18V$

1) Tính điện trở tương đương của mạch điện qua đoạn mạch AB.

2) Nếu thêm $R_3 = 12\Omega$ song song với R_2 :

a) Vẽ lại sơ đồ mạch điện và tính điện trở tương đương của đoạn mạch AB khi đó.

b) Tính công suất tiêu thụ của mạch chính khi đó?

Câu 8 (1.0@): Điện trở của bếp điện làm bằng nikelin có chiều dài 30m, tiết diện $0,2\text{mm}^2$ và điện trở suất $1,1 \cdot 10^{-6} \Omega\text{m}$. Được đặt vào hiệu điện thế $U = 220V$ và sử dụng trong thời gian 15 phút.

Tính điện trở của dây.

Câu 9 (3@):

Một bóng đèn ghi 220V - 40W. Nếu bóng đèn này vào nguồn điện 200V.

a) Tính điện trở của bóng đèn và năng lượng tiêu thụ khi bóng đèn hoạt động.

b) Tính công suất tiêu thụ của bóng đèn.

Đáp án và biểu điểm :

A. TRẮC NGHIỆM: 3 điểm (chọn đúng đáp án mỗi câu cho 0,5 điểm)

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	A	B	A	D

B. TỰ LUẬN: 7 điểm

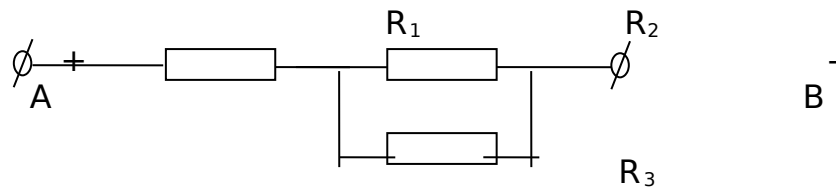
Câu 7 (3@):

1) Với R_1 nối tiếp R_2 nên điện trở tương đương của đoạn mạch AB là:

$$R_{AB} = R_1 + R_2 = 4 + 6 = 10(\Omega) \quad (0,5@)$$

Công suất tiêu thụ của đoạn mạch AB là:

2). a) $M^{3/4}C$ th^am $R_3 = 12\Omega$ song song vⁱi R_2 ta c^a s^a $\otimes \mathbb{R}^{\circ}$:
($0,5\mathbb{R}$)


$$R_{23} = \frac{R_2 \cdot R_3}{R_2 + R_3} = \frac{6 \cdot 12}{6 + 12} = 4 (\Omega) \quad (0,5^{\text{®}})$$
$$R_{AB} = R_1 + R_{23} = 4 + 4 = 8(\Omega) \quad (0,5^{\circ})$$
$$I_1 = I = \frac{U_{AB}}{R_{AB}} = \frac{18}{8} = 2,25(A)$$

C©u 8 (1.0 điểm) Tóm tắt: (0.5đ)

a) $R = ?$

b) $P = ?$

$$Q = ?$$

Giải: a) Điện trở của dây dẫn là: $R = \rho \frac{l}{S}$ Thay số ta được

$$R = 1,1 \cdot 10^{-6} \frac{30}{0,2 \cdot 10^{-6}} = 165 \Omega \quad (0.75d)$$

C©u 9 (3®):

a) Tổ chức thực hiện: $P_{\text{RM}} = \frac{U_{dm^2}}{R_d} \quad (0,75^{\text{R}})$

$\Rightarrow$ $\xi_{\text{Ön trë cña ®ìn lư:}$ $R_{\text{®}} = \frac{U_{dm^2}}{P_{dm}} = \frac{220^2}{40} = 1210 (\Omega)$

Khi ®lín ho¹t ®éng, trong ®lín cã sù chuyén ho, năng lîng tã ®ién năng thnh nhiêt năng vù quang năng. (0,25®)

b) Công suất tiêu thụ của đèn là: $P_{\text{đ}} = \frac{U_{\text{đ}}^2}{R_{\text{đ}}} = \frac{200^2}{1210} \approx 33,1 \text{ (W)}$

(1.5)